

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CHĂM SÓC VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trần Nguyệt Minh Thu

Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

thu9976@gmail.com

Tóm tắt: Trong những thập niên gần đây, già hóa dân số đã trở thành hiện tượng toàn cầu, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Sự gia tăng nhanh chóng về tỷ lệ người cao tuổi trong xã hội đặt ra nhiều thách thức đối với hệ thống kinh tế, xã hội và an sinh. Người cao tuổi không chỉ là nhóm cần nhận được sự quan tâm đặc biệt về sức khỏe và đời sống, mà còn là nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển chung. Vì vậy, việc chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi không chỉ là nhiệm vụ trong phạm vi gia đình mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Lựa chọn khách thể nghiên cứu là người cao tuổi, bằng phương pháp tổng quan tài liệu, rà soát nghiên cứu chính sách, bài viết tập trung tìm hiểu tình hình chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi tại Việt Nam, từng bước tìm kiếm giải pháp để tối ưu hóa việc chăm sóc và sự tham gia của người cao tuổi vào các hoạt động kinh tế, xã hội và văn hóa nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Từ khóa: Chăm sóc người cao tuổi; Phát huy vai trò người cao tuổi; Người cao tuổi

AN OVERVIEW OF RESEARCH ON THE CARE AND ENHANCEMENT OF THE ELDERLY'S ROLE IN VIETNAM TODAY.

Abstract: In recent decades, the phenomenon of population ageing has emerged as a global issue, particularly in developing nations like Vietnam. The swift rise in the percentage of older individuals within the population presents significant challenges to economic, social, and welfare systems. The elderly represent not only a demographic that requires focused attention regarding health and quality of life but also serve as a vital resource for comprehensive development. Caring for and enhancing the role of the elderly is a responsibility that extends beyond the family unit; it is a collective obligation of society as a whole. This research focuses on the elderly population, utilizing document reviews and policy analysis to gain insights into the current state of elder care and the promotion of their roles in Vietnam. The aim is to identify effective solutions that will optimize the involvement of the elderly in both economic and cultural activities, ultimately improving their quality of life and contributing to the sustainable development of society.

Keywords: Elderly care; Enhance the role of the elderly; The elderly

Mã bài báo: JHS - 216

Ngày nhận bài sửa: 15/08/2024

Ngày nhận bài: 23/07/2024

Ngày duyệt đăng: 20/08/2024

Ngày nhận phản biện: 05/08/2024

1. Giới thiệu

Quy Dân số Liên Hợp Quốc xác định dân số già hóa là khi tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 10% hoặc tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm 7% tổng dân số. Tỷ suất sinh giảm và tuổi thọ tăng là hai yếu tố dẫn đến già hóa dân số (UNFPA, 2011). Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Theo thống kê, năm 2023, quy mô dân số Việt Nam là khoảng 100,3 triệu người, với hơn 16 triệu NCT. Bộ Y tế đưa ra dự báo đến năm 2038, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội già hóa sang xã hội già, với hơn 21 triệu NCT, chiếm gần 20% tổng dân số (Hà, 2024). Theo thời gian, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng nhanh từ 65,2 tuổi năm 1989; lên mức 73,4 tuổi năm 2016; 73,5 tuổi năm 2017; 73,6 tuổi năm 2019; 73,7 tuổi năm 2020 (TCTK, 2021). Tuy mức tăng tương đối cao, song số năm sống khỏe mạnh chỉ khoảng 64 tuổi và trung bình mỗi người có khoảng gần 10 năm cuối đời, trong đó khoảng 11 năm đối với nữ giới và 8 năm đối với nam giới không thực sự khỏe, sống chung với các bệnh tật (Mai, 2022).

Già hóa là một quá trình sinh học, đồng thời cũng là một quá trình xã hội. Theo đó NCT cần có sự chuẩn bị, chủ động để thích ứng và đón nhận những thay đổi trên. Giai đoạn dân số Việt Nam chuyển sang già hóa nhanh như hai thập niên qua, việc duy trì, chăm sóc, phát huy vai trò của NCT là một thách thức đa chiều, liên quan tới việc sắp xếp cuộc sống, phân công lao động, những vấn đề về việc làm, sinh kế, chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần, sự tham gia, tích cực xã hội và đa dạng hơn thế những chiều cạnh cuộc sống. Tìm hiểu những chuyển đổi trong đời sống của NCT Việt Nam gắn với bối cảnh già hóa dân số có thể giúp cung cấp bằng chứng thực tiễn về cuộc sống, về khả năng thích ứng, sự không thích ứng, qua đó có những chăm sóc phù hợp và phát huy hơn nữa vai trò của NCT Việt Nam hiện nay.

Trong bối cảnh dân số Việt Nam đang dần bước vào giai đoạn già hóa, vấn đề chăm sóc và phát huy vai trò của NCT trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của xã hội. NCT không chỉ là đối tượng cần được quan tâm về sức khỏe và phúc lợi, mà còn là một nguồn lực quý giá với tri thức, kinh nghiệm và văn hóa truyền thống. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, thực hiện tổng quan nghiên cứu, rà soát chính sách, tìm hiểu thực trạng,

cung cấp luận chứng khoa học, đề xuất giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn nữa việc chăm sóc và phát huy vai trò của NCT, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

2. Cơ sở pháp lý về chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi ở Việt Nam

Người cao tuổi được quy định trong Luật Người cao tuổi (2009), là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên (Điều 2). NCT ở Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt từ Nhà nước, với các chính sách và quy định rõ ràng trong nhiều bộ luật khác nhau nhằm bảo vệ quyền lợi, khuyến khích chăm sóc, phát huy vai trò của NCT trong gia đình và xã hội. Nhiều bộ luật của Việt Nam có bao gồm các điều khoản cụ thể liên quan tới việc chăm sóc sức khỏe, cấp dưỡng, bảo vệ quyền lợi và xử lý các hành vi ngược đãi NCT.

Luật NCT là văn bản pháp lý quan trọng nhất về NCT, quy định các quyền, nghĩa vụ của NCT, các chính sách, biện pháp bảo đảm quyền lợi của NCT, đồng thời xác định trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và Nhà nước trong việc chăm sóc và phát huy vai trò của NCT. Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NCT liên quan tới các chế độ, chính sách. Thông tư số 35/2011/TT-BYT, hướng dẫn tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe NCT tại các cơ sở y tế. Quyết định số 1533/QĐ-TTg ngày 2/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án Nhân rộng mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau, thúc đẩy sự tham gia của NCT vào các hoạt động xã hội, cải thiện cuộc sống thông qua sự hỗ trợ cộng đồng. Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính, quy định về kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với NCT, hướng dẫn thực hiện quy định về kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, bao gồm cả NCT. Thông tư số 96/2018/TT-BTC. Nghị quyết số 137/NQ-CP/2020 được ban hành để triển khai các chương trình hành động quốc gia về NCT trong bối cảnh già hóa dân số tại Việt Nam. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế, hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các cơ sở chăm sóc sức khỏe NCT.

Bộ luật Lao động (2019) có các quy định về quyền

lợi của người lao động cao tuổi, bao gồm: quyền tiếp tục làm việc sau tuổi nghỉ hưu theo thỏa thuận; điều chỉnh chế độ làm việc phù hợp; thời gian nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi sau khi nghỉ hưu. Nghị định số 148/2018/NĐ-CP, hướng dẫn về các quyền và nghĩa vụ của người lao động cao tuổi. Nghị định số 28/2020/NĐ-CP, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, trong đó có các quy định về bảo vệ quyền lợi người lao động cao tuổi. Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH, ngày 12/11/2020, hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng người lao động cao tuổi. Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, ngày 14/12/2020, hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động, bao gồm quy định cụ thể về điều kiện làm việc và các chính sách cho người lao động cao tuổi. Thông tư số 08/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 20/09/2021, hướng dẫn về chế độ bảo hiểm xã hội và lương hưu cho người lao động cao tuổi. Thông tư số 06/2021/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn cụ thể về chế độ hưu trí cho NCT. Thông tư số 01/2021/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn cụ thể về chế độ làm việc cho NCT.

Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 bổ sung và quy định các chế độ bảo hiểm xã hội đối với NCT, đặc biệt là chế độ hưu trí, bảo hiểm y tế cho NCT. Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 hướng dẫn cụ thể về các quy định liên quan đến chế độ hưu trí. Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, đặc biệt liên quan đến chế độ hưu trí và trợ cấp một lần.

Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 quy định việc ưu tiên trong chữa bệnh cho NCT, miễn hoặc giảm chi phí khám chữa bệnh cho NCT thuộc diện chính sách xã hội. Nghị định số 96/2023/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết các quy định mới của Luật Khám bệnh, trong đó có nội dung liên quan đến chăm sóc sức khỏe NCT. Thông tư liên tịch số 24/2011/TTLT-BYT-BLĐTBXH hướng dẫn khám, chữa bệnh và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho NCT, quy định cụ thể về các thủ tục, chế độ ưu tiên dành cho NCT.

Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 có một số quy định liên quan đến quyền lợi của NCT khi tham gia giao thông. Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg khuyến khích thực hiện giảm giá vé cho NCT

khi sử dụng xe buýt và các phương tiện vận tải công cộng khác. Nghị định số 06/2011/NĐ-CP quy định NCT sẽ được giảm ít nhất 15% giá vé khi tham gia giao thông. Thông tư số 71/2011/TT-BGTVT cũng bổ sung các quy định hỗ trợ cụ thể cho NCT như sắp xếp chỗ ngồi thuận tiện, hỗ trợ khi lên xuống phương tiện và sắp xếp hành lý.

Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi (2014) quy định về trách nhiệm cấp dưỡng của con cháu đối với cha mẹ. Bộ luật Dân sự (2015) quy định NCT có thể là đối tượng cần sự giám hộ, cũng có thể đóng vai trò giám hộ trong một số trường hợp. Các quyền lợi của NCT khi là đối tượng thừa kế hoặc được người khác để lại tài sản cũng được quy định trong Bộ luật này. Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 quy định về việc hỗ trợ nhà ở cho NCT thuộc diện chính sách hoặc những NCT gặp khó khăn về chỗ ở, đặc biệt là NCT thuộc hộ nghèo, hộ gia đình chính sách xã hội. Bộ luật Hình sự (2017) quy định về tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình. Hệ thống pháp luật Việt Nam còn có nhiều loại văn bản pháp luật khác nhau với mục đích hướng dẫn, cụ thể hóa hoặc triển khai thi hành các quy định của Luật. Những quy định này thể hiện sự cam kết của Nhà nước trong việc đảm bảo NCT được sống an toàn, hạnh phúc và tiếp tục đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) nhấn mạnh việc đảm bảo quyền lợi của NCT, thúc đẩy các chính sách chăm sóc và hỗ trợ để NCT được sống khỏe mạnh, có điều kiện tham gia các hoạt động xã hội. Nghị quyết yêu cầu tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe, phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, các chính sách an sinh xã hội cho NCT, bảo đảm hỗ trợ tài chính, y tế và văn hóa, đặc biệt đối với những NCT có hoàn cảnh khó khăn. Nghị quyết Đại hội XIII cũng nhấn mạnh vai trò của gia đình trong việc chăm sóc NCT, đồng thời khuyến khích các thế hệ trong gia đình đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc và ổn định cho NCT.

Quyết định số 1579/QĐ-TTg/2020 phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe NCT đến năm 2030, mục tiêu củng cố và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và dài hạn. Quyết định số 2156/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT giai đoạn 2021-2030. Thông qua luật và các văn bản dưới luật, Nhà nước đã quy định chi tiết các chính sách ưu tiên dành

cho NCT, hướng tới việc tạo môi trường sống an toàn thuận tiện, đảm bảo quyền lợi, hỗ trợ an sinh xã hội, khuyến khích sự tham gia các hoạt động xã hội và thúc đẩy sự tôn trọng vai trò của NCT trong gia đình và xã hội, đảm bảo cho NCT một cuộc sống lành mạnh, có ý nghĩa.

3. Chăm sóc người cao tuổi và một số vấn đề xã hội đặt ra

Chăm sóc NCT trong gia đình không chỉ là trách nhiệm mà còn là biểu hiện của sự tôn kính và lòng biết ơn đối với thế hệ đi trước. Chăm sóc NCT không chỉ đảm bảo sức khỏe thể chất, tinh thần, tâm lý mà còn giúp duy trì mối liên kết gia đình, tạo điều kiện cho việc truyền đạt kinh nghiệm sống và giá trị truyền thống. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi gia đình hạt nhân ngày càng phổ biến và NCT dễ rơi vào tình trạng cô đơn, do đó trách nhiệm chăm sóc NCT sẽ góp phần mang lại sự ấm áp, gắn kết và hỗ trợ tinh thần.

Nghiên cứu của Minh (2018) chỉ ra rằng, gia đình là lực lượng chính trong phụng dưỡng, chăm sóc NCT. Chăm sóc NCT trong gia đình không chỉ mang lại lợi ích về mặt sức khỏe và tinh thần mà còn giúp duy trì sự ổn định, gắn kết của cấu trúc gia đình. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ NCT sống trong các hộ nghèo, việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ già thực sự khó khăn trong điều kiện các chính sách hỗ trợ của nhà nước còn thấp. Mô hình gia đình đa thế hệ ở Việt Nam có tầm quan trọng đặc biệt bởi ở đó NCT không chỉ nhận được sự chăm sóc mà còn có cơ hội truyền đạt những kinh nghiệm sống và giá trị văn hóa cho thế hệ trẻ (Minh và nnk, 2019). Trang và nnk (2023) cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ gìn mối quan hệ giữa các thế hệ, đặc biệt trong bối cảnh gia đình hiện đại có xu hướng thu hẹp, với sự phát triển của các gia đình hạt nhân.

Hiện đại hóa và quá trình đô thị hóa đã tạo ra nhiều thách thức trong việc chăm sóc NCT. Quá trình di cư từ nông thôn ra thành thị và sự phát triển của các gia đình hạt nhân khiến NCT dễ bị bỏ rơi, sống cô đơn hoặc thiếu sự chăm sóc cần thiết từ con cháu. Các yếu tố như thay đổi trong cấu trúc gia đình, áp lực công việc và sự thay đổi về vai trò của phụ nữ trong xã hội hiện đại cũng ảnh hưởng đến khả năng chăm sóc NCT trong gia đình. Việc chăm sóc NCT đòi hỏi một môi trường hỗ trợ tốt để cải thiện chất lượng cuộc sống và kéo dài tuổi thọ khỏe mạnh. Những NCT sống trong môi trường gia đình có sự hỗ trợ tốt về cả vật chất lẫn tinh thần có xu hướng ít mắc các bệnh mãn tính và

giảm thiểu nguy cơ trầm cảm và lo âu (WHO, 2020). Sự hỗ trợ từ các thành viên gia đình và chăm sóc cộng đồng có mối liên hệ tích cực với những cải thiện về tình trạng sức khỏe và tâm lý, duy trì sự tự chủ, cải thiện các hoạt động hàng ngày và giảm nguy cơ cô lập xã hội (Silverstein & Bengtson, 2020).

Tại Trung Quốc, các chính sách khuyến khích gia đình đa thế hệ và cung cấp hỗ trợ tài chính cho các gia đình có NCT đang được thực hiện để giảm tải áp lực cho hệ thống chăm sóc sức khỏe cho NCT (Li và cộng sự, 2020). Tại các nước phát triển như Nhật Bản và Hàn Quốc, việc mở rộng các dịch vụ chăm sóc tại nhà, cũng như hỗ trợ tài chính và pháp lý cho người chăm sóc, đã góp phần cải thiện chất lượng chăm sóc và giảm bớt gánh nặng cho gia đình (Fukushima et al., 2020). Nghiên cứu của Minh và nnk (2019), chăm sóc từ gia đình có tác động trực tiếp đến việc cải thiện chất lượng cuộc sống của NCT, bao gồm việc giảm thiểu các triệu chứng trầm cảm, lo âu và cô đơn, những vấn đề thường gặp trong nhóm tuổi này. Tương tác giữa các thế hệ không chỉ giúp NCT cảm thấy được tôn trọng và thừa nhận, mà còn giúp truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm cho thế hệ trẻ.

Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng mặc dù gia đình là quan trọng nhất trong việc chăm sóc NCT, xã hội và nhà nước cần có sự hỗ trợ tích cực hơn trong việc xây dựng các mô hình chăm sóc linh hoạt và bền vững. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, việc kết hợp giữa chăm sóc tại gia đình và các dịch vụ cộng đồng là xu hướng tất yếu để đảm bảo NCT có một cuộc sống chất lượng và được chăm sóc toàn diện (Lân, 2021). Về hệ thống chăm sóc sức khỏe, nghiên cứu của Anh & Luân (2014) cho rằng nhìn chung, hệ thống chăm sóc NCT còn nhiều bất cập, liên quan tới việc nhận thức về già hóa dân số và tác động tới phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế; nhiều cấp lãnh đạo chưa nhận thức đúng vấn đề; vẫn còn trường hợp NCT không nhận thức được sự cần thiết phải chăm sóc, bảo vệ bản thân; người dân ở nông thôn chưa quan tâm chuẩn bị cho tuổi già. Đời sống tinh thần của NCT ở địa phương dựa vào các hội như hội NCT, hội bảo thọ với hoạt động nghèo nàn và nguồn kinh phí eo hẹp. Đối với nhiều hộ gia đình, chi phí chữa bệnh cho NCT là gánh nặng kinh tế vì việc chi trả cho các dịch vụ y tế thường cao hơn rất nhiều so với thu nhập của NCT (Minh, 2018).

Sức khỏe tinh thần là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của NCT. Theo Tổ chức Y

tế Thế giới (WHO, 2020), khoảng 20% NCT trên thế giới bị ảnh hưởng bởi các vấn đề về tinh thần như trầm cảm và lo âu. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến cảm giác hạnh phúc mà còn làm tăng nguy cơ mắc các bệnh thể chất, như tim mạch, tiểu đường, và suy giảm chức năng nhận thức. Do đó, chăm sóc đời sống tinh thần cho NCT cũng là một trong những khía cạnh quan trọng giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe toàn diện. Trong quá trình lão hóa, NCT thường phải đối mặt với nhiều thay đổi lớn trong cuộc sống, bao gồm suy giảm về sức khỏe, mất mát người thân và sự thay đổi về vai trò xã hội.

Mối quan hệ gia đình và xã hội có tác động mạnh mẽ đến tinh thần của NCT. Những người sống gần gũi với con cháu và có sự giao lưu xã hội thường có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn. Bowling và Grundy (2019) đã nhấn mạnh rằng sự gắn kết xã hội là một yếu tố quan trọng giúp giảm thiểu sự cô đơn và trầm cảm ở NCT. Một nghiên cứu của Heikkinen và cộng sự (2018) chỉ ra rằng NCT có cơ hội tham gia vào các hoạt động xã hội và giải trí, câu lạc bộ NCT, các chương trình văn hóa, tình nguyện, hoặc tham gia vào các hoạt động thể thao nhẹ nhàng thường có sức khỏe tinh thần và thể chất tốt hơn so với những người không có cơ hội. Việc chăm sóc đời sống tinh thần không chỉ giúp NCT duy trì sức khỏe tâm lý mà còn góp phần làm tăng tuổi thọ và sự hạnh phúc. Xây dựng không gian giao tiếp xã hội, các trung tâm sinh hoạt cộng đồng, câu lạc bộ NCT là yếu tố quan trọng tạo ra các không gian an toàn và thân thiện cho việc giao lưu, chia sẻ, và duy trì mối quan hệ xã hội. Những không gian này không chỉ giúp tăng cường sự gắn kết mà còn tạo điều kiện để NCT cảm thấy được công nhận và thừa nhận trong xã hội.

4. Phát huy vai trò của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số

Người cao tuổi không chỉ là đối tượng cần nhận được sự chăm sóc mà còn là nguồn lực quan trọng của xã hội. Việc phát huy vai trò của NCT giúp tăng cường sự gắn kết xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực của sự già hóa dân số và cải thiện chất lượng cuộc sống của họ. Sống già hóa tích cực giúp NCT nhận ra tiềm năng, tham gia vào đời sống xã hội tùy theo nhu cầu, mong muốn, năng lực; đồng thời NCT vẫn được cung cấp các điều kiện bảo vệ an toàn và chăm sóc phù hợp khi họ cần (Walker, 2019). Chăm sóc NCT là quan trọng, song làm sao để phát huy vai trò của NCT đang đặt ra rất nhiều vấn đề xã hội gắn với các khía cạnh về

thể chất, vật chất, tinh thần tình cảm (Trang, 2021).

Trong vai trò kinh tế và lao động của NCT, thực tế cho thấy NCT có thể tiếp tục tham gia vào thị trường lao động và đóng góp tích cực cho nền kinh tế. Tăng tuổi nghỉ hưu và khuyến khích NCT làm việc bán thời gian không chỉ giúp giảm áp lực lên hệ thống an sinh xã hội mà còn giúp duy trì sự tự lập về tài chính và tăng cường sức khỏe tinh thần. Việc giữ chân NCT trong lực lượng lao động giúp họ duy trì mối liên hệ xã hội, tăng cường cảm giác có giá trị, đồng thời giúp truyền đạt kiến thức và kỹ năng cho các thế hệ trẻ hơn (Walker, 2019). Các hoạt động kinh doanh nhỏ, tự do cũng là một lĩnh vực mà NCT có thể đóng góp, mang lại sự ổn định về tài chính và tinh thần (Wang và cộng sự, 2018).

Hỗ trợ con cái bằng cách tạo ra và góp thêm thu nhập cho thấy vị thế và trách nhiệm của NCT vẫn được khẳng định, họ không bị mặc cảm vô dụng ở tuổi già và thắt chặt thêm mối dây liên hệ giữa các thế hệ đối với con cháu. Vẫn có một tỷ lệ khá lớn NCT đang trực tiếp đóng góp vào thu nhập của gia đình, với các mức độ khác nhau (Lân, 2011). Hầu hết NCT đều tham gia chăm sóc các thế hệ con cháu, nhất là việc dạy dỗ con cháu, giúp nội trợ gia đình và chăm nom các cháu nhỏ. Việc chăm sóc gia đình của NCT giúp cho con cháu của họ có thời gian tập trung nhiều hơn vào lao động sản xuất tạo thu nhập cho gia đình. Sự đóng góp này càng quan trọng hơn khi con cái họ làm ăn xa nhà. Bản thân những người con đều khẳng định sự giúp đỡ của cha mẹ là quan trọng đối với họ. Đặc biệt, đối với các gia đình trẻ, có thu nhập thấp hoặc không ổn định thì sự hỗ trợ của cha mẹ được xem là rất quan trọng trong thời gian nuôi con nhỏ (Lân, 2012). NCT có thể đóng góp vào giáo dục thông qua việc truyền đạt kiến thức và kỹ năng, đặc biệt là trong các lĩnh vực như lịch sử, văn hóa và nghề thủ công truyền thống. Việc phát huy vai trò giáo dục không chỉ giúp bảo tồn di sản văn hóa mà còn giúp thế hệ trẻ tiếp thu những giá trị truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa. NCT cũng tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục cộng đồng, truyền thụ kiến thức từ thế hệ này sang thế hệ khác. Khi dân số già đi và số năm nghỉ cách giữa các thế hệ tăng lên, thế hệ trẻ và lớn tuổi sẽ ít nhiều có sự cạnh tranh để giành nguồn lực của chính phủ và sự quan tâm của chính sách. Vì vậy, thay vì nhấn mạnh sự khác biệt về độ tuổi, cần đề cao sự hợp tác và phụ thuộc giữa các thế hệ, tạo điều kiện cho các thế hệ đầu tư vào nhau và chia sẻ thành

quả (UN-DESA, 2005). Giá trị và sự tôn trọng thông qua những hình thức truyền tải kiến thức giữa các thế hệ này là một khía cạnh quan trọng của quá trình già hóa tích cực, kích lệ tiềm năng của NCT.

NCT cũng là người giữ gìn và truyền bá các giá trị truyền thống, tham gia các hoạt động tại cộng đồng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thực hành các nghi lễ truyền thống và góp phần giúp thế hệ trẻ nhận thức, hiểu biết về lịch sử, văn hóa, khuôn mẫu ứng xử theo chuẩn mực. Thông qua gia đình NCT truyền thụ những kinh nghiệm, kỹ năng, kiến thức về kinh tế, xã hội, khoa học, bí quyết ngành nghề truyền thống cho con cháu, cho thế hệ trẻ (Lân, 2012). Họ có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục gìn giữ và truyền thụ những giá trị đạo đức, hình ảnh nhân cách cho các thành viên gia đình. Nhiều gia đình, dòng họ có con cháu thành đạt đều nhờ vào công dạy dỗ, giáo dục của ông bà, cha mẹ, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình. NCT là lớp người tích lũy được nhiều kinh nghiệm sống, phong tục tập quán, tài sản và có vai trò quan trọng trong việc chuyển giao, lưu giữ văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác, do đó họ có nhiều đặc quyền cũng như quyền lực.

Mặc dù NCT có tiềm năng đóng góp lớn cho xã hội nhưng họ cũng đối mặt với nhiều thách thức. Một trong những rào cản lớn nhất là sự định kiến xã hội và quan niệm rằng NCT không còn khả năng lao động hay đóng góp. Giá trị và quyền lực của NCT so với thế hệ con cháu có sự biến đổi cùng với sự biến đổi của nền kinh tế và xã hội. Các học giả theo thuyết hiện đại hóa (Kathryn M. Yount & Emily M. Agree, 2004) cho rằng vị thế của NCT đã giảm khi xã hội có sự cải thiện về mặt bằng trình độ học vấn, quá trình đô thị hóa, sự tiến bộ của công nghệ trong quá trình phát triển kinh tế và trong chăm sóc sức khỏe do các kỹ năng của NCT ngày càng lỗi thời đã làm giảm giá trị của họ trong xã hội. Xã hội công nghiệp coi NCT là nhóm dân số phụ thuộc cũng giống như trẻ em, họ được đối xử như nhóm đối tượng hưởng trợ cấp xã hội (Brian & Carole, 1986). Uy tín và quyền lực của NCT bị suy giảm trong xã hội công nghiệp hóa, do công nghệ sản xuất và các văn hóa thay đổi nhanh, tạo nên những khác biệt và khoảng cách trong cuộc sống giữa các thế hệ khác nhau. Kiến thức của NCT trở nên lạc hậu. Hiểu biết, kinh nghiệm của NCT không còn là hình mẫu của lớp trẻ, vì thế họ không còn được kính trọng nhiều như trong xã hội truyền thống (Robert C.

Atchley, 1987).

Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ và sự thay đổi nhanh chóng của xã hội cũng đặt ra nhiều thách thức cho NCT trong việc thích nghi và duy trì vai trò của mình. Việc thiếu các chương trình hỗ trợ để nâng cao kỹ năng công nghệ và tạo điều kiện cho NCT tham gia các hoạt động xã hội cũng là một yếu tố cản trở. Phát huy vai trò xã hội của NCT là một chiến lược quan trọng để tối ưu hóa tiềm năng của nhóm dân số này, đồng thời giảm bớt gánh nặng cho xã hội. Các chính sách hỗ trợ NCT tham gia vào các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội không chỉ giúp họ duy trì sức khỏe tinh thần và thể chất mà còn mang lại những giá trị to lớn cho cộng đồng. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, cần có sự thay đổi nhận thức xã hội và các chương trình hỗ trợ phù hợp để tạo điều kiện cho NCT tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội.

5. Bàn luận và kết luận

Sự ra đời của các chính sách dành cho NCT thời gian qua cho thấy Đảng và Nhà nước đã rất chú trọng vào việc xây dựng và phát triển môi trường sống, phát huy mạng lưới xã hội của NCT để khuyến khích họ tích cực tham gia xã hội. Các chính sách chăm sóc hiện nay đang góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho NCT, giúp họ chủ động hơn trong quá trình tiếp tục sắp xếp cuộc sống cho bản thân, trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra mạnh. Có thể thấy, các chính sách trợ giúp xã hội đã cố gắng mở rộng về diện và độ bao phủ, hướng tới việc nâng cao mức sống của NCT thông qua các hỗ trợ đa chiều.

Nguồn lao động cao tuổi sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới, đặc biệt là trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu, ở tại cả những nước đang phát triển như hiện nay. Việc thiếu hụt nguồn nhân lực trẻ cũng thúc đẩy sự gia tăng lực lượng lao động cao tuổi tham gia vào thị trường lao động. Nghiên cứu về việc phát huy vai trò xã hội của NCT ở Việt Nam hiện nay cho thấy sự phát triển của các chính sách và chương trình hỗ trợ NCT tham gia tích cực vào đời sống kinh tế, xã hội, và văn hóa đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức trong việc thực hiện các chính sách này, chủ yếu là do những rào cản văn hóa, kinh tế và nhận thức xã hội. Một trong những thách thức chính là quan điểm phổ biến trong xã hội rằng NCT là nhóm

phụ thuộc, không còn khả năng đóng góp. Điều này dẫn đến sự hạn chế trong việc tiếp cận cơ hội việc làm, cũng như thiếu chính sách hỗ trợ phù hợp để họ tham gia vào các hoạt động kinh tế và xã hội. Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ và sự thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại cũng đặt ra nhiều rào cản cho NCT trong việc thích nghi và duy trì vai trò và vị thế xã hội. Mặc dù đã có những chính sách hỗ trợ đào tạo và nâng cao kỹ năng cho NCT nhưng việc triển khai trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn do hạn chế về ngân sách và hạ tầng xã hội.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc phát huy vai trò xã hội của NCT không chỉ là một yêu cầu thiết yếu đối với cá nhân mà còn là nhiệm vụ quan trọng đối với toàn xã hội. Phát huy vai trò của NCT giúp tối ưu hóa tiềm năng của họ, giảm bớt gánh nặng về an sinh

xã hội và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Để đạt được điều này, cần có sự thay đổi trong nhận thức xã hội về khả năng và giá trị của NCT, đồng thời phát triển thêm các chương trình hỗ trợ phù hợp, bao gồm việc đào tạo kỹ năng, tạo cơ hội việc làm và khuyến khích NCT tham gia vào các hoạt động văn hóa và xã hội. Những chính sách cần thiết không chỉ bao gồm việc đảm bảo an sinh xã hội mà còn cần tập trung vào việc xây dựng môi trường sống phù hợp, hỗ trợ NCT thích nghi với sự thay đổi của xã hội hiện đại. Các mô hình gia đình đa thế hệ, cộng đồng liên thế hệ và câu lạc bộ là những giải pháp khả thi giúp NCT duy trì sự gắn kết xã hội, đồng thời giúp họ tiếp tục đóng góp vào sự phát triển của gia đình và cộng đồng. Điều này không chỉ mang lại lợi ích cho NCT mà còn đóng góp vào sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, Đ. N. & Luân, T. D. (2014). *Báo cáo rà soát phân tích hệ thống chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi hiện nay*.
- Bộ Giao thông Vận tải. (2011). *Thông tư số 71/2011/TT-BGTVT, 30/12/2011. Quy định hỗ trợ và ưu tiên cho người cao tuổi khi tham gia giao thông*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2021). *Thông tư số 01/2021/TT-BLĐTBXH, 03/3/2021. Hướng dẫn thời gian làm việc, nghỉ ngơi và bảo đảm an toàn lao động cho người lao động cao tuổi*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2021). *Thông tư số 06/2021/TT-BLĐTBXH, 07/7/2021. Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về hưu trí*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2021). *Thông tư số 08/2021/TT-BLĐTBXH, 20/9/2021. Hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2020). *Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH, 12/11/2020. Hướng dẫn việc sử dụng người lao động cao tuổi*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2015). *Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH, 29/12/2015. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về BHXH bắt buộc*.
- Bộ Tài chính. (2018). *Thông tư số 96/2018/TT-BTC, 18/10/2018. Hướng dẫn thực hiện quy định về kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*.
- Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2011). *Thông tư liên tịch số 24/2011/TTLT-BYT-BLĐTBXH, 21/6/2011. Hướng dẫn việc khám chữa bệnh và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi*.
- Bộ Y tế. (2011). *Thông tư số 35/2011/TT-BYT, 15/10/2011. Hướng dẫn tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại các cơ sở y tế*.
- Bonoli, G. (2005). The politics of the new social policies: Providing coverage against new social risks in mature welfare states. *Policy & Politics*, 33(3), 431-449.
- Bowling, A. & Grundy, E. (2019). Social participation and healthy ageing. *European Journal of Ageing*, 6(3), 117-125.
- Brian, Gratton G. & Carole, Harber. (1986). Aging, the family, and social change: An historical perspective. *The Gerontologist*, 26(3), 311-317.
- Chính phủ. (2011). *Nghị định số 06/2011/NĐ-CP, 14/01/2011. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi*.
- Chính phủ. (2015). *Nghị định số 115/2015/NĐ-CP, 11/11/2015. Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc*.
- Chính phủ. (2015). *Nghị định số 134/2015/NĐ-CP, 29/12/2015. Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện*.
- Chính phủ. (2020). *Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, 18/11/2020. Quy định tuổi nghỉ hưu*.
- Chính phủ. (2020). *Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, 14/12/2020. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động*.
- Chính phủ. (2018). *Nghị định số 148/2018/NĐ-CP, 24/10/2018. Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Bộ luật Lao động*.

- Chính phủ. (2021). *Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, 15/3/2021. Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.*
- Chính phủ. (2020). *Nghị định số 28/2020/NĐ-CP, 01/3/2020. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.*
- Chính phủ. (2023). *Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, 23/9/2023. Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khám bệnh, chữa bệnh.*
- Chính phủ. (2020). *Nghị quyết số 137/NQ-CP/2020, 31/12/2020. Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030.*
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.*
- Fukushima, N., Adachi, H. & Yoshino, S. (2020). Elderly care in Japan: Policy evolution and future challenges. *Journal of Gerontological Social Work, 63(3), 215-230.*
- Hà, B. (2024). Giải pháp nào thích ứng với già hóa dân số ở nước ta. <https://dangcongsan.vn>.
- Heikkinen, R. L. & Kuusinen, J. (2018). Social participation of older adults. *Ageing & Society, 10(1), 93-109.*
- Kathryn M. Yount Y. & Emily M. Agree. (2004). *The gender gap in the socioeconomic status of older adults: Evidence from China.* *Research on Aging, 26(4), 377-409.*
- Lân, L. N., Minh, N. H., Long, T. Q. (2011). Quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu trong gia đình. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình & Giới, ISSN.1859-1361, số 2, tr50-72.*
- Lân, L. N. (2012). Một số yếu tố tác động đến việc chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi trong gia đình Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình & Giới, ISSN.1859-1361, số 2, tr 59-73.*
- Lân, L. N. (2021). Thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội của người cao tuổi - Một số vấn đề đặt ra. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình & Giới, ISSN.1859-1361, số 04, trang 27-38.*
- Li, J., Zhang, Z., & Li, Q. (2020). China's aging society and family-based elderly care: challenges and policy responses. *China Journal of Social Policy, 35(4), 215-230.*
- Mai, T. (2022). *Tuổi sống khỏe của người Việt Nam còn thấp.* <https://nhandan.vn>.
- Minh, N. H., Hồng. T. T., Lân, L. N. (2019). Quan hệ giữa cha mẹ và con cái đã xây dựng gia đình từ kết quả khảo sát gia đình 2017. *Tạp chí Nghiên cứu gia đình & giới, số 05, trang17-27, ISSN.1859-1361.*
- Minh, N. H. (2018). Chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam và một số vấn đề chính sách cần quan tâm. *Tạp chí Xã hội học, số 3 (143). Tr. 42-54.*
- Nguyễn, T. P., Vũ, Q. H., & Phạm, L. T. (2019). Tương tác giữa các thế hệ và chăm sóc người cao tuổi: Nghiên cứu tại các đô thị Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học, 58(3), 45-61.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, 24/11/2015.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. (2015). *Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, 27/11/2015.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. (2019). *Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14, 20/11/2019.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. (2014). *Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13, 20/11/2014.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. (2008). *Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12, 13/11/2008.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Luật Hôn nhân và Gia đình số 22/2000/QH10, 09/6/2000.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12, 23/11/2009.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. (2009). *Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12, 23/11/2009.*
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. (2014). *Luật Nhà ở số 65/2014/QH13, 25/11/2014.*
- Robert C. Atchley. (1987). Aging: Continuity and change. *Journal of Gerontology, 42(3), 320-326.*
- Silverstein, M. & Bengtson, V. L. (2020). *Intergenerational relations and aging families.* Springer Publishing.
- Thủ tướng Chính phủ. (2015). *Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg, 05/5/2015. Khuyến khích sử dụng phương tiện vận tải công cộng cho người cao tuổi.*
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 1533/QĐ-TTg, 02/8/2016. Phê duyệt Đề án Nhân rộng mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau giai đoạn 2016-2020.*
- Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 1579/QĐ-TTg, 13/10/2020. Phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030.*
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 2156/QĐ-TTg, 21/12/2021. Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030.*
- Tổng cục Thống kê. (2021). *Thông cáo báo chí về kết quả khảo sát mức sống dân cư/2020.* <https://www.gso.gov.vn>.
- Trang, H. T. Đ. (2021). Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với chính sách tài chính. <https://mof.gov.vn>.
- Trang, N. N. & Thăng, Đ. K. 2023. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số hiện nay. *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 635, tr.28-30. ISSN.0868-3808*
- UN-DESA. (2005). *World Population Ageing 2005.* United Nations Department of Economic and Social Affairs Population Division.
- UNFPA. (2011). *Già hóa dân số và người cao tuổi Việt Nam thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách, trong khuôn khổ chương trình Kế hoạch Một Liên hợp Quốc.*
- Walker, A. (2019). *Active aging and economic participation in later life.* Oxford University Press
- Wang, M., Hesketh, B. & Yuh, J. (2018). Older workers' employment patterns and social participation. *Journal of Organizational Behavior, 39(2), 215-233.*
- WHO. (2020). *Mental health and older adults.* World Health Organization